

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 02 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thái;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Chánh
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 2285/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Ngọc Phương T, sinh năm 1995 - vắng mặt;

Nơi cư trú: 13/5, khu phố Q, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

2. *Bị đơn:* Anh Trương Quang K, sinh năm 1984 - vắng mặt;

Nơi cư trú: 9 đường Đ, tổ C, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

❖ Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Hà Ngọc Phương T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Quang K kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận C, thành phố Hồ Chí

Minh vào năm 2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh K.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Trương Phúc C, sinh ngày 07/12/2016. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

❖ Bị đơn - anh Trương Quang K trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian và địa điểm vợ chồng đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ.

❖ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ. Phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, xét thấy vợ chồng chị T, anh K có mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T. Về con chung: anh, chị có 01 con chung tên Trương Phúc C, sinh ngày 07/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu C cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền và pháp luật áp dụng:

- Về quan hệ pháp luật: chị Hà Ngọc Phương T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cho chị ly hôn với anh Trương Quang K. Xét anh chị là vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh, cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2016, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, đây là tranh chấp về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Trương Quang K có nơi cư trú tại địa chỉ: 9 đường Đ, tổ C, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về pháp luật áp dụng: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K được xác lập năm 2016, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh K nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo chị T trình bày thì quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị xác định hiện nay không còn tình cảm với anh K, đề nghị được giải quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh K cũng có lời khai thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn không thể hàn gắn. Tuy nhiên, Tòa án đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị T và triệu tập hòa giải nhưng anh K vắng mặt không lý do, thể hiện anh K cũng đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân với chị T, đồng thời hiện nay hai anh chị đã ly thân, không chung sống cùng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh K là không thể hàn gắn, đoàn tụ, đời sống chung của vợ chồng là không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho ly hôn.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Trương Phúc C, sinh ngày 07/12/2016. Ly hôn, chị T xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu C có nguyện vọng xin được ở với chị T, đồng thời cháu C hiện đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo ổn định đời sống, tránh làm xáo trộn, thay đổi gây ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt hàng ngày của cháu C, nên Hội đồng xét xử giao cháu C cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị T không yêu cầu nên tạm thời anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do anh K không có lời khai nên không có cơ sở để xác định tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Chị T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

❖ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Hà Ngọc Phương T:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Ngọc Phương T được ly hôn anh Trương Quang K.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Phúc C, sinh ngày 07/12/2016 cho chị Hà Ngọc Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Tạm thời anh Trương Quang K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Trương Quang K không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: không đặt ra xem xét.

❖ Về án phí: Chị Hà Ngọc Phương T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số 0000747 ngày 20/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị T đã nộp xong.

❖ Về quyền kháng cáo: chị Hà Ngọc Phương T và anh Trương Quang K có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Đội quản lý Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Dương sự (2);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán (3).

Nguyễn Quốc Thái